

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÓC MÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1266/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồng Hải**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Trần Thị Long**.

2. Bà **Nguyễn Thị Tịnh Tâm**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 262/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1978. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Thường trú: 18/4A ấp X (nay là Ấp C), xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông **Hà Văn K**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Thường trú: 18/4A ấp X (nay là Ấp C), xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

Sau một thời gian tìm hiểu, bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn K đã tự nguyện chung sống với nhau, không có tổ chức lễ cưới và tiến đến hôn nhân, có đăng ký

kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại huyện H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, thường xuyên gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông K đi làm và không muốn về nhà. Hai bên đã cố gắng tìm cách hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Tuy bà T và ông K còn chung sống một mái nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân, ông K thường xuyên đi làm ở ngoài, ít khi về nhà ở. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã trở nên lạnh nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, không thể hàn gắn trở về chung sống với nhau được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, bà T và ông K có 01 con chung tên Hà Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 22/9/2018. Sau ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T1 và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, trở về chung sống với nhau nhưng chỉ có nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có mặt theo triệu tập của Tòa án, ông Hà Văn K vắng mặt không lý do, nên không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

#### ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Căn cứ các Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Hà Văn K là “Tranh chấp về ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại A ấp X (nay là Ấp C), xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hà Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2017 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T xin được ly hôn với ông Hà Văn K do vợ chồng không cùng chung suy nghĩ, thường xuyên gây gổ, cãi vã, bất đồng quan điểm, ông K đi làm và không muốn về nhà. Hai bên đã cố gắng tìm cách hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Tuy bà T và ông K còn chung sống một mái nhà nhưng vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống và tự lo cho bản thân, ông K thường xuyên đi làm ở ngoài, ít khi về nhà ở.

Tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Quá trình giải quyết vụ án, ông K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông K vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, ông K đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ được đưa ra chứng cứ để chứng minh, nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo các chứng cứ do nguyên đơn bà T đã giao nộp có trong hồ sơ vụ án.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Áp dụng điều luật được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông K đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã. Trong thời gian chung sống, ông K thường xuyên đi làm, ít khi về nhà, mỗi người đều có cuộc sống riêng, vẫn giữ quan điểm riêng của mình, không còn yêu thương, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm đến nhau. Trước đây, bà T đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn cho chồng thêm cơ hội để đoàn tụ nhưng đến nay ông K vẫn không thay đổi để hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng bà T và ông K đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn K có 01 con chung tên Hà Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 22/9/2018. Đối với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Hà Nguyễn Khánh T1 của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy bà T có nơi cư trú và công việc ổn định, trẻ T1 hiện đang sống cùng với bà T và do bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định tâm sinh lý của trẻ. Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Hà Nguyễn Khánh T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của nguyên đơn không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Hà Văn K.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Hà Nguyễn Khánh T1, sinh ngày 22/9/2018. Giao trẻ Hà Nguyễn Khánh T1 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ T1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi bà T có đơn yêu cầu.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị T không có tài sản chung và nợ chung.

[2] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0024090, ký hiệu BLTU/23P ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[3] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM
- VKSND H. Hóc Môn;
- Chi cục THADS H. Hóc Môn;
- UBND xã Xuân Thới Đông,  
H. Hóc Môn, TP.HCM  
(GCNKH số 19, ngày 21/02/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Hồng Hải**